TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 07 - 2022.

V/v: "T/c ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Đinh Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 406/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980.

- ***Bị đơn***: Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1972.

Hộ khẩu thường trú tại và cư trú tại: Số 129, tổ 4, ấp 4, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(*Chị T, anh C đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2022 và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Chị và anh Hoàng Văn C tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã ST, huyện TN (nay là huyện TB), tỉnh Đồng Nai ngày 15/10/1998.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không tôn trọng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh C đã ly thân nhau được 02 năm nay, hiện anh C đã có tình cảm với người phụ nữ

khác, vì vậy chị T đề nghị được ly hôn với anh C để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Chị T và anh C có 04 con chung là Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 24/9/1999; Hoàng Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/2/2003; Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 19/11/2007 và Hoàng Thị Thanh N2, sinh ngày 08/10/2014. Khi ly hôn, chị T đề nghị giao 02 con chung chưa thành niên là Hoàng Thị Thanh N1 và Hoàng Thị Thanh N2 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời chị T không phải cấp dưỡng tiền cho anh C nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ chung.

* ***Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 10/5/2022, bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày***:

Anh C đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương dành cho nhau.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 04 con chung là Hoàng Thị Yến N, sinh ngày 24/9/1999; Hoàng Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/2/2003; Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 19/11/2007 và Hoàng Thị Thanh N2, sinh ngày 08/10/2014. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên là Hoàng Thị Thanh N1 và Hoàng Thị Thanh N2. Tạm thời, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền cho anh nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 19/11/2007 và Hoàng Thị Thanh N2, sinh ngày 08/10/2014; tạm thời chị T không phải cấp dưỡng tiền cho anh C nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không có, bị đơn không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải nộp án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn C hiện đang cư trú tại số 129, tổ 4, ấp 4, xã ST, huyện TB, tỉnh

Đồng Nai và tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn C đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn C là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã kêu gọi chị Nguyễn Thị T đoàn tụ với anh C nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Hoàng Văn C đến Tòa án để làm việc, vận động hàn gắn mâu thuẫn giữa chị T, anh C nhưng anh C không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh C cũng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân của anh chị. Mặt khác, anh C cũng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị T và xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Ngày 23/10/2020, chị T có nộp đơn xin ly hôn với anh C tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom nhưng sau đó đã tự nguyện rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ. Chị T cung cấp hình ảnh anh C đã có tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác, do đó từ năm 2020 cho đến nay, chị T và anh C không còn chung sống với nhau nữa.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn C đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2.2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn C đều thống nhất giao cho anh Hoàng Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung chưa thành niên là Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 19/11/2007 và Hoàng Thị Thanh N2, sinh ngày 08/10/2014; tạm thời chị T không phải cấp dưỡng tiền cho anh C nuôi con chung.

Mặt khác, cháu N1 và cháu N2 đều có nguyện vọng được ở cùng với anh

C. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho anh Hoàng Văn C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 19/11/2007 và Hoàng Thị Thanh N2, sinh ngày 08/10/2014 là đảm bảo việc phát triển toàn diện cho con và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Hoàng Văn C đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Hoàng Văn C cam kết không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên là Hoàng Thị Thanh N1, sinh ngày 19/11/2007 và Hoàng Thị Thanh N2, sinh ngày 08/10/2014;

Tạm thời, anh Hoàng Văn C không yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng tiền cho anh C nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị T.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000931 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS. huyện Trảng Bom;
- UBND xã Sông Trầu- H. Trảng Bom;
(Số 36 ngày 15/10/1998);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Duy Mạnh